

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ 3/2014**

**THÁNG 10 /2014**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
<b>A – TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>43,385,492,350</b>	<b>49,613,245,719</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>17,060,746,379</b>	<b>29,671,865,112</b>
1. Tiền mặt	111	V.01	70,707,408	99,885,253
2. Tiền gửi ngân hàng			16,990,038,971	4,571,979,859
3. Các khoản tương đương tiền	112			25,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02	<b>900,000,000</b>	<b>900,000,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		900,000,000	900,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21,724,251,524</b>	<b>15,386,130,218</b>
1. Phải thu khách hàng	131		15,817,857,093	14,365,774,177
2. Trả trước cho người bán	132		5,752,366,304	53,875,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	154,028,127	966,481,041
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
1. Hàng tồn kho	141	V.04	-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3,700,494,447</b>	<b>3,655,250,389</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,736,361,687	3,015,910,397
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		964,132,760	639,339,992
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>470,345,759,706</b>	<b>473,537,573,748</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>447,841,248,674</b>	<b>447,293,924,971</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	378,644,948,796	377,701,463,071
- Nguyên giá	222		543,781,944,896	532,536,183,941
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(165,136,996,100)	(154,834,720,870)



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	69,196,299,878	69,592,461,900
- Nguyên giá	228		79,232,404,441	79,232,404,441
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10,036,104,563)	(9,639,942,541)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	V.12	-	-
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2,258,600,000</b>	<b>2,258,600,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	2,258,600,000	2,258,600,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20,245,911,032</b>	<b>23,985,048,777</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	20,245,911,032	23,985,048,777
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>513,731,252,056</b>	<b>523,150,819,467</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A – NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>140,459,937,442</b>	<b>168,751,795,328</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>41,418,255,244</b>	<b>76,114,754,020</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	9,478,500,000	18,957,000,000
2. Phải trả người bán	312		5,832,141,628	7,632,748,777
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	8,507,514,157	5,798,530,875
5. Phải trả người lao động	315		1,532,635,250	1,441,996,807
6. Chi phí phải trả	316	V.17	341,788,256	601,644,413
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	13,614,933,540	39,233,840,648
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2,110,742,413	2,448,992,500
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>99,041,682,198</b>	<b>92,637,041,308</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333		12,570,852,270	13,180,568,180
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	86,470,829,928	79,456,473,128
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>373,271,314,614</b>	<b>354,399,024,139</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>373,271,314,614</b>	<b>354,399,024,139</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		240,000,000,000	240,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15,723,448,000	15,723,448,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		30,287,344,107	30,287,344,107
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		9,925,007,865	9,925,007,865
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		77,335,514,642	58,463,224,167
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>513,731,252,056</b>	<b>523,150,819,467</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu



Lý Ngọc Tuyền

Kế toán trưởng



Ngô Phạm Việt Tuấn

Tp.HCM, ngày 15 tháng 10 năm 2014

Giám đốc



Nguyễn Văn Quân



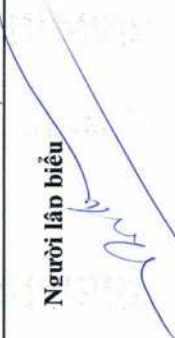
**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÁT LÁI**

Mẫu số B 02 – DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/07/2014 đến 30/09/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng			
			Quý 3		Năm 2013	
			Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
A	B	C	I	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	61,311,459,580	52,371,447,418	170,278,048,921	145,021,727,546
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>61,311,459,580</b>	<b>52,371,447,418</b>	<b>170,278,048,921</b>	<b>145,021,727,546</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	33,759,489,284	23,006,785,176	87,710,304,377	60,872,578,405
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>27,551,970,296</b>	<b>29,364,662,242</b>	<b>82,567,744,544</b>	<b>84,149,149,141</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	143,218,336	299,255,314	542,434,950	520,217,632
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	837,699,457	1,253,383,508	3,802,171,281	6,803,360,213
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		837,699,457	1,253,383,508	2,893,837,468	5,370,928,646
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,510,520,968	2,096,651,621	6,652,190,725	5,941,019,701
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>24,346,968,207</b>	<b>26,313,882,427</b>	<b>72,655,817,488</b>	<b>71,924,986,859</b>
11. Thu nhập khác	31		-	-	490,660,800	-
12. Chi phí khác	32		-	-	19,807,349	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-	470,853,451	-
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>24,346,968,207</b>	<b>26,313,882,427</b>	<b>73,126,670,939</b>	<b>71,924,986,859</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	4,869,393,641	2,631,388,243	14,728,988,709	7,205,342,744
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>19,477,574,566</b>	<b>23,682,494,184</b>	<b>58,397,682,230</b>	<b>64,719,644,115</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		786	987	2,433	2,697

Người lập biểu  


Lý Ngọc Tuyên

Kế toán trưởng  


Ngô Phạm Việt Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÁT LÁI**

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo OD số 15/2006/OD-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Quý 3 năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3			Lũy kế	
			Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	
			I	2	3	4	
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>					
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>							
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>24,346,968,207</b>	<b>26,313,882,427</b>	<b>73,126,670,939</b>	<b>71,924,986,859</b>	
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>							
- Khấu hao TSCĐ	2		10,698,437,252	8,899,584,352	31,044,980,942	27,904,191,063	
- Các khoản dự phòng	3						
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	-	853,733,813	1,432,431,567	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		-	-	(352,361,113)	-	
- Chi phí lãi vay	6		837,699,457	1,253,383,508	2,893,837,468	5,370,928,646	
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>35,883,104,916</b>	<b>36,466,850,287</b>	<b>107,566,862,049</b>	<b>106,632,538,135</b>	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(6,662,914,074)	(14,366,406,527)	(1,810,066,209)	(10,359,511,986)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10						
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(26,361,157,770)	(1,555,194,458)	(28,769,448,735)	(13,318,563,471)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4,018,686,455	2,628,423,127	4,933,306,526	10,283,605,380	
- Tiền lãi vay đã trả	13		(837,699,457)	(1,253,383,508)	(2,893,837,468)	(5,370,928,646)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4,602,984,561)	(4,200,544,847)	(11,776,384,167)	(4,918,978,632)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15				203,000,000		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(338,250,087)	-	(6,294,577,087)	(2,737,949,998)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1,098,785,422</b>	<b>17,719,744,074</b>	<b>61,158,854,909</b>	<b>80,210,210,782</b>	
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>							
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11,245,760,955)	(13,411,271,815)	(49,204,106,407)	(31,737,960,905)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22						

Đơn vị tính: đồng





## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2014

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý 3 năm 2014**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế./.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 Công ty có 126 nhân viên đang làm việc (tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 117 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Ngày 19 tháng 5 năm 2014 Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái đã được Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh quyết định chấp thuận cho niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLL, ngày chứng thực giao dịch cổ phiếu của Công ty là ngày 8 tháng 7 năm 2014.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA QUÝ 3 NĂM 2014

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)	3 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

(\*) Phương tiện vận tải có thời gian khấu hao 3 năm là các tài sản mua cũ được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại của tài sản.

### 5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA QUÝ 3 NĂM 2014

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm.

### 6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### 9. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Chi phí nạo vét cầu tàu*

Chi phí nạo vét cầu tàu được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 6 năm.

#### *Công cụ, dụng cụ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA QUÝ 3 NĂM 2014

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm

### 10. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

### 11. Nguồn vốn kinh doanh

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 13. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

12/12/2014 - 0.0.1511



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA QUÝ 3 NĂM 2014

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/09/2014 : 21.245 VND/USD

### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA QUÝ 3 NĂM 2014

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	70.707.408	99.885.253
Tiền gửi ngân hàng	16.990.038.971	4.571.979.859
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	-	25.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>17.060.746.379</u></b>	<b><u>29.671.865.112</u></b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn khác	900.000.000	900.000.000

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên đã được phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

**3. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng thuộc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	6.625.030.998	7.438.146.416
Các khách hàng khác	9.192.826.095	6.927.627.761
<b>Cộng</b>	<b><u>15.817.857.093</u></b>	<b><u>14.365.774.177</u></b>

**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp thuộc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	-
Các nhà cung cấp khác	5.752.366.304	53.875.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.752.366.304</u></b>	<b><u>53.875.000</u></b>

**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	39.583.333
Các khoản chi hộ cho khách hàng	154.028.127	158.146.500
Bảo hiểm nộp thừa <sup>a</sup>	-	59.751.208
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung Phong	-	709.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>154.028.127</u></b>	<b><u>966.481.041</u></b>

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.960.048.926	1.874.490.154
Chi phí bảo hiểm phương tiện	776.312.761	1.141.420.243
<b>Cộng</b>	<b><u>2.736.361.687</u></b>	<b><u>3.015.910.397</u></b>

**7. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	-------------------	-------------------



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA QUÝ 3 NĂM 2014

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	934.132.760	609.339.992
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>964.132.760</u></b>	<b><u>639.339.992</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2014

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	164.756.249.018	302.634.637.847	64.107.535.866	85.761.210	952.000.000	532.536.183.941
Tăng do mua sắm mới trong kỳ			11.245.760.955		-	11.245.760.955
Giảm trong kỳ						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>164.756.249.018</b>	<b>302.634.637.847</b>	<b>75.353.296.821</b>	<b>85.761.210</b>	<b>952.000.000</b>	<b>543.781.944.896</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	32.611.859.863	956.023.848	282.153.143	85.761.210		33.935.798.064
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	61.674.345.247	86.096.577.061	6.957.037.352	85.761.210	21.000.000	154.834.720.870
Khấu hao trong kỳ	1.502.907.668	6.374.223.925	2.385.476.970		39.666.667	10.302.275.230
Giảm trong kỳ						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>63.177.252.915</b>	<b>92.470.800.986</b>	<b>9.342.514.322</b>	<b>85.761.210</b>	<b>60.666.667</b>	<b>165.136.996.100</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	103.081.903.771	216.538.060.786	57.150.498.514		931.000.000	377.701.463.071
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>101.578.996.103</b>	<b>210.163.836.861</b>	<b>66.010.782.499</b>		<b>910.000.000</b>	<b>378.663.615.463</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 336.811.789.212 VND và 209.391.623.379 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 11.245.760.955 VND và 10.998.488.200 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA QUÝ 3 NĂM 2014.

### 9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	79.232.404.441	9.639.942.541	69.592.461.900
Tăng trong kỳ		396.162.022	
Giảm trong kỳ			(396.162.022)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>79.232.404.441</b>	<b>10.036.104.563</b>	<b>69.196.299.878</b>

### 10. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh	2.258.600.000	2.258.600.000
Góp vốn dài hạn vào Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh, Công ty góp vốn với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Tỷ lệ góp vốn là 0,83%.		

### 11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí nạo vét	2.658.469.680		479.183.080	2.179.286.600
Chi phí bù lún	21.326.579.097	-	3.259.954.665	18.066.624.432
<b>Cộng</b>	<b>23.985.048.777</b>	<b>-</b>	<b>3.739.137.745</b>	<b>20.245.911.032</b>

### 12. Vay và nợ ngắn hạn

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Vay ngắn hạn các tổ chức cá nhân khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	37.522.400.000	-	37.522.400.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	25.000.000.000		25.000.000.000
Số kết chuyển từ vay dài hạn	15.436.297.696	-	15.436.297.696
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	195.800.000	(28.925.000)	166.875.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(44.546.897.696)	(9.449.575.000)	(53.996.472.696)
Cơ cấu lại nợ	(14.650.600.000)	-	(14.650.600.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.957.000.000</b>	<b>(9.478.500.000)</b>	<b>9.478.500.000</b>

### 13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp thuộc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.354.495.746	5.877.050.605
Các nhà cung cấp khác	4.744.645.882	1.755.698.172
<b>Cộng</b>	<b>5.832.141.628</b>	<b>7.632.748.777</b>

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA QUÝ 3 NĂM 2014**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.115.279.233	5.574.519.800	4.083.438.817	2.606.360.216
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.650.731.522	4.869.393.641	4.602.984.561	4.917.140.602
Thuế thu nhập cá nhân	32.520.120	984.013.339	32.520.120	984.013.339
Các loại thuế khác		-	-	
<b>Cộng</b>	<b>5.798.530.875</b>	<b>11.427.926.780</b>	<b>8.718.943.498</b>	<b>8.507.514.157</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ vận chuyển quốc tế là 0%, dịch vụ trong nước là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo quy định tại 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 về việc hướng dẫn thực hiện miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được hưởng Thuế suất ưu đãi 20% trong thời gian mười năm (10 năm).

Năm 2014 là năm tài chính tài chính thứ 6 Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.346.968.207	48.779.702.732
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	-	174.395.033
Các khoản phạt chậm nộp thuế	-	19.807.349
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối năm trước	-	4.005.275
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền và công nợ phải thu cuối năm nay	-	3.582.409
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá các khoản mục phải thu có gốc ngoại tệ cuối năm trước		
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ		
Thu nhập tính thuế	24.346.968.207	48.954.097.765
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>5.356.333.005</b>	<b>10.769.901.508</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<b>(486.939.364)</b>	<b>(979.081.955)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>		
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>68.775.515</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp trong kỳ</b>	<b>4.869.393.641</b>	<b>9.859.595.068</b>

S.Đ.K.K



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA QUÝ 3 NĂM 2014

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### 15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài chưa có hóa đơn	341.788.256	601.644.413

#### 16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	114.049.353	614.982
Kinh phí công đoàn	56.512.482	17.747.134
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.000.000	14.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	13.396.208.385	39.183.286.575
Phải trả, phải nộp khác	34.163.320	18.191.957
<b>Cộng</b>	<b><u>13.614.933.540</u></b>	<b><u>39.233.840.648</u></b>

#### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1.906.828.107	-	-	1.906.828.107
Quỹ phúc lợi	502.899.923	-	338.250.087	164.649.836
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	39.264.470	-	-	39.264.470
<b>Cộng</b>	<b><u>2.448.992.500</u></b>	<b>-</b>	<b><u>338.250.087</u></b>	<b><u>2.110.742.413</u></b>

#### 18. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản phải trả về tiền góp vốn hợp tác kinh doanh, chi tiết như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Lê Hà <sup>(i)</sup>	6.983.806.817	7.322.537.878
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Việt Sắc <sup>(ii)</sup>	5.587.045.453	5.858.030.302
<b>Cộng</b>	<b><u>12.570.852.270</u></b>	<b><u>13.180.568.180</u></b>

<sup>(i)</sup> Là khoản hợp tác đầu tư phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 38/HĐHT ngày 02 tháng 12 năm 2013 về hợp tác đầu tư xe Container để kinh doanh vận tải hàng hóa. Thời hạn hợp tác là 06 năm kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

<sup>(ii)</sup> Là khoản hợp tác đầu tư phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 39/HĐHT ngày 02 tháng 12 năm 2013 về hợp tác đầu tư xe Container để kinh doanh vận tải hàng hóa. Thời hạn hợp tác là 06 năm kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

#### 19. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM, chi tiết theo hợp đồng như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA QUÝ 3 NĂM 2014

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 04.08.APU/TDH.01/114540.01 <sup>(i)</sup>	63.353.113.128	63.353.113.128
Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 111.14.151.114540.TD <sup>(ii)</sup>	14.761.360.000	16.103.360.000
Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư bổ sung phương tiện vận tải container số 0143/SME/14CD <sup>(iii)</sup>	8.356.356.800	-
<b>Cộng</b>	<b>86.470.829.928</b>	<b>79.456.473.128</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – chi nhánh An Phú theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 04.08.APU/TDH.01/114540.01 để đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị cho dự án Đầu tư xây dựng Cảng Cát Lái tại khu đất Vitaco – Cát Lái. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay. Số tiền vay là 18.231.302 USD tương đương 293.993.000.000 đồng. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 111.14.151.114540.TD ngày 08 tháng 05 năm 2014 để bổ sung vốn mua 10 xe ô tô đầu kéo hiệu HINO SS1EKV mới 100% theo Hợp đồng mua bán xe số 367/2013/HĐMB-TL ngày 09 tháng 09 năm 2013 và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của Khoản vay có liên quan. Thời hạn vay sau 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng dự án đầu tư bổ sung phương tiện vận tải container số 0143/SME/14CD ngày 04 tháng 08 năm 2014 để bổ sung vốn mua 20 xe ô tô đầu kéo hiệu DAEWOO V3TEF mới 100% theo Hợp đồng mua bán xe số 007/300614/XE ngày 30 tháng 06 năm 2014 và mua 20 sômi romooc hiệu Chien You theo Hợp đồng số 48/HĐMBHH ngày 30 tháng 06 năm 2014. Thời hạn vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	9.478.500.000	18.957.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	86.470.829.928	79.456.473.128
Trên 5 năm		
<b>Tổng nợ</b>	<b>95.949.329.928</b>	<b>98.413.473.128</b>

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn Ngân hàng như sau:**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	79.456.473.128	63.484.459.420
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	8.356.356.800	16.103.360.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(1.342.000.000)	-
Cơ cấu lại nợ	-	14.650.600.000



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA QUÝ 3 NĂM 2014

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Đánh giá chênh lệch tỷ tiền vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	654.351.404
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	(15.436.297.696)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>86.470.829.928</b>	<b>79.456.473.128</b>

10  
NG  
PH  
AN  
T  
P.H

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA QUÝ 3 NĂM 2014

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	240.000.000.000	15.723.448.000	30.287.344.107	9.925.007.865	58.463.224.167	354.399.024.139
Lợi nhuận trong kỳ					19.477.574.565	19.477.574.565
Trích lập các quỹ trong kỳ					-	-
Chia cổ tức trong kỳ					-	-
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh					(605.284.090)	(605.284.090)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>240.000.000.000</b>	<b>15.723.448.000</b>	<b>30.287.344.107</b>	<b>9.925.007.865</b>	<b>77.335.514.642</b>	<b>373.271.314.614</b>

#### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	108.647.000.000	108.647.000.000
Trong đó:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	50.147.000.000	50.147.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	58.500.000.000	58.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	131.353.000.000	131.353.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	15.723.448.000	15.723.448.000
<b>Cộng</b>	<b>255.723.448.000</b>	<b>255.723.448.000</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA QUÝ 3 NĂM 2014**

**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi trả cổ tức năm trước	25.787.078.190	23.451.675.400

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	24.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.000.000	24.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Về dịch vụ cho thuê cảng biển	37.000.000.001	74.000.001.001
Về dịch vụ bốc xếp	6.678.268.750	12.706.361.750
Về dịch vụ vận tải	15.503.876.466	18.290.749.508
Về dịch vụ cung cấp điện tại cảng	2.129.314.363	3.969.477.082
<b>Cộng</b>	<b>61.311.459.580</b>	<b>108.966.589.341</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Là giá vốn của dịch vụ mà công ty đã cung cấp, chi tiết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	5.775.523.524	8.521.042.449
Chi nhân công trực tiếp	4.976.784.350	6.238.012.379
Chi phí sản xuất chung	23.007.181.410	39.191.760.265
Tổng chi phí sản xuất	33.759.489.284	53.950.815.093
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		
<b>Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp</b>	<b>33.759.489.284</b>	<b>53.950.815.093</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	106.291.665	352.361.113
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.001.671	18.275.982
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.925.000	28.579.519
<b>Cộng</b>	<b>143.218.336</b>	<b>399.216.614</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA QUÝ 3 NĂM 2014**

**4. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	837.699.457	2.056.138.011
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	54.600.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	853.733.813
<b>Cộng</b>	<b>837.699.457</b>	<b>2.964.471.824</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.656.759.444	2.184.306.299
Chi phí vật liệu quản lý	-	90.339.059
Chi phí đồ dùng văn phòng	138.660.341	318.557.357
Chi phí khấu hao TSCĐ	43.350.000	86.700.000
Thuế, phí và lệ phí	17.166.667	3.200.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	260.698.987	740.550.916
Chi phí bằng tiền khác	393.885.529	718.016.126
<b>Cộng</b>	<b>2.510.520.968</b>	<b>4.141.669.757</b>

**6. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền bán lốp xe vận tải cũ	-	490.660.800

**7. Chi phí khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	19.807.349

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.477.574.566	38.920.107.664
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (chỉ lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh)	(605.284.090)	(1.210.568.180)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.872.290.476	37.709.539.484
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.000.000	24.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>786</b>	<b>1.571</b>

T. C. P. H. M.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA QUÝ 3 NĂM 2014

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	24.000.000	24.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ		
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>24.000.000</b>	<b>24.000.000</b>

Lập, ngày 15 tháng 10 năm 2014

Người lập biểu



Lý Ngọc Tuyên

Kế toán trưởng



Ngô Phạm Viết Tuấn

Giám đốc



Nguyễn Văn Quân